

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11/7/2024

“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Khải

2. Bà Phạm Thị Loan

*** Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án.**

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên
tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.**

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T**, sinh năm 1992

*** Bị đơn: Anh Đào P**, sinh năm 1988

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (Tại phiên tòa có mặt chị T; Anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 26/9/2023, bản tự khai ngày 27/11/2023 và tại phiên tòa chị Phạm Thị T nguyên đơn trình bày:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị kết hôn với anh L ngày 19/01/2013 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L có biểu hiện ngoại tình không chung thủy, không quan tâm, chăm lo đến gia đình mặc dù chị và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh L vẫn không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Đào Phi L1.

*** Về con chung:** Chị và anh L1 có 02 con chung là Đào Gia H, sinh ngày

02/01/2015 và Đào Gia L2, sinh ngày 13/11/2017. Hiện chị đang trực tiếp nuôi 02 con chung. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh L1 phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

** Về tài sản và nợ:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/5/2024, bà Trần Thị H1, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (là mẹ đẻ anh L1) trình bày: Các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã nhận và thông báo đầy đủ cho anh L1 biết việc chị T xin ly hôn. Thông qua bà anh L1 có ý kiến như sau: Anh L1 và chị T kết hôn ngày 19/01/2013 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bà, trong cuộc sống anh L1, chị T có xảy ra mâu thuẫn. Nay chị T xin ly hôn bà đề nghị Tòa án hòa giải và khuyên bảo chị T để vợ chồng đoàn tụ gia đình, trường hợp chị T cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Về con chung:* Anh L1 và chị T có 02 con chung là Đào Gia H, sinh ngày 02/01/2015 và Đào Gia L2, sinh ngày 13/11/2017. Ly hôn, quan điểm của anh L1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho hai con chung.

** Về tài sản và nợ:* Anh L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn việc chấp hành pháp luật là chưa nghiêm chỉnh.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Đào Phi L1.

+ Về con chung: Chị T và anh L1 có 02 con chung là Đào Gia H, sinh ngày 02/01/2015 và Đào Gia L2, sinh ngày 13/11/2017. Ly hôn, đề nghị giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi và chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh L1 phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản và nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị T và anh L1 là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Q, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Q giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Tại phiên tòa ngày 21/6/2024, anh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L1 vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- Tại phiên tòa ngày 11/7/2024, anh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L1 vẫn tiếp tục vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh L1 ngày 19/01/2013 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L1 chơi bời, nợ nần và có biểu hiện ngoại tình không chung thủy, không quan tâm, chăm lo đến gia đình mặc dù chị T và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh L1 vẫn không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với anh Đào Phi L1. Đối với anh L1 hiện đi làm ăn do công việc bận mãi không đến Tòa án giải quyết trực tiếp được thông qua ý kiến của mẹ để anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh ngày 22/4/2024, UBND xã A xác định chị T và anh L1 có đăng ký kết hôn là hợp pháp, trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn tuy nhiên mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ gia đình, trường hợp chị T vẫn cương quyết đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho các đương sự. Về con chung chị T và anh L1 có 02 con chung là Đào Gia H, sinh ngày 02/01/2015 và Đào Gia L2, sinh ngày 13/11/2017. Ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho con chung.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án và Hội đồng xét xử đã phân tích khuyên bảo để chị T bỏ qua mâu thuẫn, cho anh L1 cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, làm ăn phát triển kinh tế. Tuy nhiên, chị T

vẫn cương quyết xin ly hôn với anh L1. Vì vậy, HĐXX xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh L1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho chị T được ly hôn với anh L1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh L1 có 02 con chung là Đào Gia H, sinh ngày 02/01/2015 và Đào Gia L2, sinh ngày 13/11/2017, hiện 02 con chung đang ở cùng chị T. Ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung xét thấy nguyện vọng của chị T là chính đáng hiện anh L1 đang đi làm ăn xa không có thời gian điều kiện để trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Ngoài ra, con chung Đào Gia H có nguyện vọng xin được ở với chị T nên việc cần thiết giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật và nguyện vọng của con chung và chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh L1 phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và nợ: Chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Đ.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Đào Gia H, sinh ngày 02/01/2015 và Đào Gia L2, sinh ngày 13/11/2017 và chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh L1 phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ: Chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng, chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số 0004558 ngày 27/11/2023 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/7/2024). Anh Đào Phi L3 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- UBND xã An Ấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Thành